TRƯỜNG ĐẠI HỌC
CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: **Kế toán**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Loại hình đào tạo: **Chính quy**

Thời gian đào tạo: **4 năm**

Văn bằng: **Cử nhân**

Khóa đào tạo: **Khóa 19 (2023 - 2027)**

Tổng số tín chỉ tích luỹ toàn khoá: **126**

Các học phần (*) không tính trung bình chung tích lũy vào kết quả học tập.

HỌC KỲ 1: 06 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 6, tự chọn: 0)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**6**			
70206	Key English 1(*)	3	45	45	0
70207	Key English 2(*)	3	45	45	0
70208	Key English 3(*)	3	45	45	0
70209	English Speaking Community (*)	2	30	30	0
CB70303	Kỹ năng nói trước công chúng	1	15	15	0
1870094	Kinh tế học	2	30	30	0
1770096	Nguyên lý marketing	2	30	30	0
KT70203	Kiến tạo nghề nghiệp	1	15	15	0
HỌC KỲ 2: 21 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 21, tự chọn: 0)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**21**			
CB70101	Triết học Mác - Lênin	3	45	45	0
CB71401	Giáo dục thể chất 1 - (Bơi lội) (*)	1	30	0	30
CB70301	Tin học 1	2	45	15	30
CB70304	Kỹ năng quản lý cảm xúc	1	15	15	0
TA70305	Intensive English 1	4	60	60	0

CB70201	Toán kinh tế	3	45	45	0
KT70101	Nguyên lý kế toán	3	45	45	0
KT70102	Thuế ứng dụng	2	30	30	0
TC70101	Tiền tệ và Thị trường tài chính	3	45	45	0
HỌC KỲ 3: 21 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 19, tự chọn: 02)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**19**			
CB70102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	30	0
CB71402	Giáo dục thể chất 2(*)	1	30	0	30
CB70205	Thống kê ứng dụng	3	45	45	0
TA70306	Intensive English 2	4	60	60	0
CB70302	Tin học 2	2	60	0	60
CB70305	Kỹ năng giao tiếp và tạo dựng mối quan hệ	2	30	30	0
CB70106	Pháp luật đại cương	2	30	30	0
KT70104	Kế toán tài chính 1	4	60	60	0
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)		**2**			
CB71101	Môi trường và phát triển bền vững	2	30	30	0
CB71102	Tâm lý học hành vi	2	30	30	0
CB71103	Tâm lý học Y đức	2	30	30	0
HỌC KỲ 4: 18 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 12, tự chọn: 06)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**12**			
CB70103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30	0
CB71405	Giáo dục thể chất 3(*)	1	30	0	30
CB70401	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1(*)	3	45	45	0
CB70402	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2(*)	2	30	30	0
CB70403	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3(*)	1	30	0	30
CB70404	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4(*)	2	60	0	60
CB70306	Kỹ năng đàm phán, thương lượng	2	30	30	0
TA70307	Intensive English 3	4	60	60	0

KT70202	Phân tích dữ liệu	2	60	0	60
KT70201	Nghiên cứu định lượng ứng dụng trong kế toán	2	30	30	0
Học phần tự chọn (Chọn 3 trong 7 học phần)		**6**			
CB71104	Kinh tế xanh và phát triển bền vững	2	30	30	0
CB71105	Văn hóa và Âm nhạc Dân tộc Việt Nam	2	30	30	0
CB71106	Lịch sử văn minh thế giới	2	30	30	0
TC71206	Ngân hàng thương mại	2	30	30	0
TC71205	Thanh toán quốc tế	2	30	30	0
TC71108	Tài chính quốc tế	2	30	30	0
TC71109	Quản trị doanh nghiệp	2	30	30	0
HỌC KỲ 5: 20 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 20, tự chọn: 0)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**20**			
CB70104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30	0
CB70105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	30	0
TA70308	Intensive English 4	4	60	60	0
KT70103	Luật Kinh tế	2	30	30	0
KT70106	Mô phỏng kế toán tài chính 1	3	90	0	90
KT70105	Kế toán tài chính 2	3	45	45	0
KT70206	Kế toán chi phí	3	45	45	0
KT70209	Thực tập chuyên ngành	1	30	0	30
HỌC KỲ 6: 21 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 18, tự chọn: 03)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**18**			
KT70207	Kế toán quản trị	3	45	45	0
KT70204	Kiểm toán và dịch vụ đảm bảo	3	45	45	0

KT70208	Hệ thống thông tin kế toán	3	60	30	30
KT70107	Mô phỏng kế toán tài chính 2	2	60	0	60
KT70108	Kế toán thuế và mô phỏng báo cáo thuế	2	45	15	30
KT70109	Kế toán và báo cáo kế toán quốc tế	3	45	45	0
KT70205	Thực hành kiểm toán và dịch vụ đảm bảo	2	60	0	60
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 2 học phần)		**3**			
KT71101	Kế toán ngân hàng	3	45	45	0
KT71102	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	45	45	0
HỌC KỲ 7: 13 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 04, tự chọn: 09)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**4**			
KT70210	Thực tập tốt nghiệp	4	30	30	0
Học phần tự chọn (Chọn 3 trong 6 học phần)		**9**			
TC71106	Định giá	3	45	45	0
KT71201	Phân tích báo cáo tài chính	3	60	30	30
KT71103	Kế toán hợp nhất báo cáo tài chính	3	60	30	30
KT71202	Kiểm soát nội bộ	3	45	45	0
KT71104	Lý thuyết kế toán	3	45	45	0
TC71110	Quản trị tài chính	3	45	45	0
HỌC KỲ 8: 06 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 0, tự chọn: 06)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Khóa luận tốt nghiệp		***6***			
KT70211	Khóa luận tốt nghiệp	6	30	30	0
Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp		***6***			
KT70212	Kỹ năng chuyên môn nghề nghiệp	4	120	0	120
KT70110	Các vấn đề hiện tại của kế toán	2	30	30	0